

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH
HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN

SỐ GÓC CẤP CHỨNG CHỈ BỒI DƯỠNG NGHIỆP VỤ VỀ BÁO CHÍ ĐỢT 4 NĂM 2025

(Theo Quyết định công nhận kết quả học tập và cấp chứng chỉ lớp Bồi dưỡng Nghiệp vụ về báo chí đợt 4 năm 2025 tại Học viện Báo chí và Tuyên truyền số 4206-QĐ/HVBCTT-ĐT ngày 29 tháng 7 năm 2025 của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền)

Chương trình ĐT, BD: Nghiệp vụ về báo chí.

Thời gian đào tạo, bồi dưỡng: Từ ngày 25/5/2025 đến ngày 20/7/2025.

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Số hiệu CC	Số vào sổ gốc cấp CC	Ký nhận
1	Bùi Thị Lan Anh	07.12.2003	Vĩnh Phúc	Nữ	Kinh	HBT/BD 004572	NVBC04/2025.01	
2	Nguyễn Thị Hồng Anh	07.12.2003	Hà Nội	Nữ	Kinh	HBT/BD 004573	NVBC04/2025.02	
3	Nguyễn Thị Kim Anh	10.9.1976	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	HBT/BD 004574	NVBC04/2025.03	
4	Vương Tuấn Anh	22.12.2004	Hà Nội	Nam	Kinh	HBT/BD 004575	NVBC04/2025.04	
5	Hoàng Văn Bền	12.10.1977	Hưng Yên	Nam	Kinh	HBT/BD 004576	NVBC04/2025.05	
6	Hán Yến Bình	18.12.2002	Hưng Yên	Nữ	Kinh	HBT/BD 004577	NVBC04/2025.06	
7	Nguyễn Tấn Châu	26.8.1976	Quảng Nam	Nam	Kinh	HBT/BD 004578	NVBC04/2025.07	

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Số hiệu CC	Số vào sổ gốc cấp CC	Ký nhận
8	Trần Văn Chiến	10.7.1979	Quảng Nam	Nam	Kinh	HBT/BD 004579	NVBC04/2025.08	
9	Nguyễn Minh Cường	24.9.1996	Vĩnh Long	Nam	Kinh	HBT/BD 004580	NVBC04/2025.09	
10	Hoàng Thị Ngọc Diễm	15.5.1980	Quảng Nam	Nữ	Kinh	HBT/BD 004581	NVBC04/2025.10	
11	Hồ Đào Đức Dũng	08.8.2000	Hà Tĩnh	Nam	Kinh	HBT/BD 004582	NVBC04/2025.11	
12	Lê Thị Thùy Dương	08.9.1975	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	HBT/BD 004583	NVBC04/2025.12	
13	Nguyễn Phương Hà	03.9.2003	Hải Dương	Nữ	Kinh	HBT/BD 004584	NVBC04/2025.13	
14	Huỳnh Hồ Ngọc Hải	01.02.1982	Vĩnh Long	Nam	Kinh	HBT/BD 004585	NVBC04/2025.14	
15	Bạch Thị Hảo	12.12.1982	Vĩnh Phúc	Nữ	Kinh	HBT/BD 004586	NVBC04/2025.15	
16	Trần Đức Hợp	15.4.1976	Nam Định	Nam	Kinh	HBT/BD 004587	NVBC04/2025.16	
17	Phan Thị Cẩm Huệ	23.6.1986	Vĩnh Long	Nữ	Kinh	HBT/BD 004588	NVBC04/2025.17	
18	Nông Minh Huyền	13.12.2003	Hà Nội	Nữ	Tày	HBT/BD 004589	NVBC04/2025.18	
19	Phan Diễm Kiều	15.5.1986	Vĩnh Long	Nữ	Kinh	HBT/BD 004590	NVBC04/2025.19	

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Số hiệu CC	Số vào sổ gốc cấp CC	Ký nhận
20	Nguyễn Xuân Lai	10.11.1986	Bắc Giang	Nam	Kinh	HBT/BD 004591	NVBC04/2025.20	
21	Trần Thị Bích Liên	05.01.1986	Quảng Nam	Nữ	Kinh	HBT/BD 004592	NVBC04/2025.21	
22	Nguyễn Thị Diệu Linh	04.11.1999	Thanh Hóa	Nữ	Kinh	HBT/BD 004593	NVBC04/2025.22	
23	Nguyễn Thị Mỹ Linh	14.4.1989	Quảng Nam	Nữ	Kinh	HBT/BD 004594	NVBC04/2025.23	
24	Nguyễn Thanh Minh	30.5.2000	Thái Bình	Nam	Kinh	HBT/BD 004595	NVBC04/2025.24	
25	Nguyễn Thanh Minh	10.9.1979	Quảng Nam	Nam	Kinh	HBT/BD 004596	NVBC04/2025.25	
26	Nguyễn Thị Trà My	04.7.2001	Hà Nội	Nữ	Kinh	HBT/BD 004597	NVBC04/2025.26	
27	Phạm Thị Tuyết Nga	24.01.1994	Vĩnh Long	Nữ	Kinh	HBT/BD 004598	NVBC04/2025.27	
28	Bùi Thị Nguyệt Nga	03.10.2000	Phú Thọ	Nữ	Kinh	HBT/BD 004599	NVBC04/2025.28	
29	Đoàn Ngọc Nghĩa	09.4.1989	Hoàng Liên Sơn	Nam	Kinh	HBT/BD 004600	NVBC04/2025.29	
30	Lê Thị Tuyết Nhi	24.5.1991	Vĩnh Long	Nữ	Kinh	HBT/BD 004601	NVBC04/2025.30	
31	Hăng Thị Nhông	13.6.1984	Quảng Nam	Nữ	Cotu	HBT/BD 004602	NVBC04/2025.31	

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Số hiệu CC	Số vào sổ gốc cấp CC	Ký nhận
32	Trần Hữu Phúc	01.9.1978	Quảng Nam	Nam	Kinh	HBT/BD 004603	NVBC04/2025.32	
33	Lương Thị Phương	24.02.1982	Thái Bình	Nữ	Kinh	HBT/BD 004604	NVBC04/2025.33	
34	Nguyễn Hữu Sinh	05.12.1986	Thanh Hóa	Nam	Kinh	HBT/BD 004605	NVBC04/2025.34	
35	Nguyễn Văn Tài	26.10.1970	Hải Dương	Nam	Kinh	HBT/BD 004606	NVBC04/2025.35	
36	Châu Lương Vĩnh Thắng	08.11.1988	Bình Định	Nam	Kinh	HBT/BD 004607	NVBC04/2025.36	
37	Nguyễn Văn Thanh	18.6.1971	Quảng Nam	Nam	Kinh	HBT/BD 004608	NVBC04/2025.37	
38	Phạm Duy Thành	25.7.1987	Hải Phòng	Nam	Kinh	HBT/BD 004609	NVBC04/2025.38	
39	Bùi Quốc Thành	02.11.1981	Đà Nẵng	Nam	Kinh	HBT/BD 004610	NVBC04/2025.39	
40	Phạm Xuân Thịnh	28.02.1988	Nam Định	Nam	Kinh	HBT/BD 004611	NVBC04/2025.40	
41	Nguyễn Thu Trà	29.6.2003	Hà Nội	Nữ	Kinh	HBT/BD 004612	NVBC04/2025.41	
42	Doãn Thành Trí	05.02.1977	Quảng Nam	Nam	Kinh	HBT/BD 004613	NVBC04/2025.42	
43	Nguyễn Sỹ Trung	16.01.1972	Thái Nguyên	Nam	Kinh	HBT/BD 004614	NVBC04/2025.43	

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Số hiệu CC	Số vào sổ gốc cấp CC	Ký nhận
44	Nguyễn Hải Trung	13.5.2002	Thái Bình	Nam	Kinh	HBT/BD 004615	NVBC04/2025.44	
45	Nguyễn Văn Tuấn	28.02.1993	Nghệ An	Nam	Kinh	HBT/BD 004616	NVBC04/2025.45	
46	Vũ Thị Vân	05.8.1986	Thái Bình	Nữ	Kinh	HBT/BD 004617	NVBC04/2025.46	
47	Lê Yến Vân	10.10.1983	Quảng Nam	Nữ	Kinh	HBT/BD 004618	NVBC04/2025.47	
48	Trịnh Quốc Việt	09.01.1997	Hà Nội	Nam	Kinh	HBT/BD 004619	NVBC04/2025.48	
49	Lê Văn Vũ	01.11.1978	Quảng Nam	Nam	Kinh	HBT/BD 004620	NVBC04/2025.49	
50	Lê Thị Thanh Yên	12.12.1978	Quảng Nam	Nữ	Kinh	HBT/BD 004621	NVBC04/2025.50	

Tổng số: 50 chứng chỉ.

Hà Nội, ngày 29 tháng 7 năm 2025

K/T GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC

(Đã ký)

Nguyễn Thị Trường Giang